

Thơ với người đọc trong quan niệm của Chế Lan Viên

TRẦN HOÀI ANH

1. Nhà thơ - Người đọc: Niềm khắc khoải tri âm

Khi nói về mối quan hệ giữa nhà thơ và độc giả, Edward Hirsch đã viết: “Nhiều nhà thơ đã nắm lấy ý Kinh Thánh Tân Ước “Khởi thủy là lời”, nhưng tôi thích ý kiến của Martin Buber trong “Tôi và bạn” hơn rằng: “Khởi thủy là những mối quan hệ” (1).



Thật vậy, “khởi thủy các mối quan hệ” vì có mối quan hệ mới tạo ra lời. Trong thơ, điều ấy lại càng có nghĩa. Nói đến thơ là nói đến mối quan hệ giữa Nhà thơ-Tác phẩm-Người đọc. Trong đó, mối quan hệ giữa nhà thơ và người đọc là mối quan hệ đặc biệt. Theo Chế Lan Viên, “giữa tác giả và độc giả có mối quan hệ tri âm tri kỷ, nghe một chữ cũng hiểu nhau, có khi chỉ cần hiểu ngầm” (2). Ông còn chỉ rõ: đây mà mối quan hệ biện chứng. Người đọc là niềm khắc khoải tri âm của nhà thơ: “Tuổi tên là phù vân/Ông chỉ mong ta bền một chữ tâm/ Nhỏ một giọt sương người trên khoé mắt/ Cái Nguyễn chờ là giọt lệ hồi âm”. (Lệ hồi âm). Và ngược lại, nhà thơ cũng chính là niềm khắc khoải tri âm của người đọc:

Bạn đọc cần những bài thơ như tâm hồn thứ hai của họ.

Ngoài tâm hồn họ ra, họ cần thêm một tâm hồn.

Sao anh tả cảnh, tả nhà, tả ao, tả phố...

Để thêm anh vào họ rồi, cho họ trăm thứ rồi, họ vẫn cô đơn.

Riêng về mối quan hệ giữa người đọc với nhà thơ, Chế Lan Viên còn chỉ rõ: “Người đọc tìm đến nhà thơ, là để đòi hỏi một cách sống, không phải chỉ hỏi lý tưởng như với một nhà triết học, mà hỏi cách cảm xúc, cách thương, cách nhớ, cách giận, cách ghét như với một người yêu”(3). Bởi lẽ nói đến sáng tạo và tiếp nhận là nói đến cuộc đối thoại giữa tác giả và người đọc thông qua tác phẩm. Cuộc đối thoại ấy là cuộc đối thoại của những kẻ tri âm, của những tâm hồn đồng điệu tìm đến những tâm hồn đồng điệu. Quan niệm này của Chế Lan Viên cũng tương đồng với quan niệm của Tố Hữu: “Thơ là chuyện đồng điệu. Nó là tiếng nói của người nào đó đến với những người nào đó có sự cảm thông chung dựa trên cơ sở đồng ý, đồng tình” (4) và rất gần với quan niệm: “bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc” của Nguyễn Đình Thi (5). Thật ra quan niệm về mối quan hệ tri âm của Chế Lan Viên cũng như của Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi đều bắt nguồn từ quan niệm tri âm của lý luận tiếp nhận truyền thống phương đông: “Tri âm thực là khó thay, cái âm thực là khó biết, người biết thực là khó gặp. Gặp được người tri âm nghìn năm mới có một lần” (Lưu Hiệp)(6). Song điều đặc biệt của Chế Lan Viên ở đây là ông đã tiếp nhận nó một cách linh hoạt trên cơ sở kết hợp với quan niệm tiếp nhận hiện đại. Với Chế Lan Viên, tri âm là chuyện để suy tư, để suy tưởng, để đối thoại giữa nhà thơ và người đọc. Và mỗi độc giả có một cách đọc khác nhau tùy vào tuổi tác, tâm lý, vị thế xã hội,... của mình: “Đọc thơ, có người như nhà thực vật/Đọc mùa quả, hoa chói mắt/Có người như nhà địa chất/Đọc ngầm cái gì ở sâu trong đất,/Cái mạch ngầm văn bản phía sau văn./Kẻ đọc dương, người lại nghe cái âm âm./Cái nhạc trường chỉ huy trong tiềm thức” (Đọc thơ mạch ngầm văn bản). Tuy không đề cập đến “tâm đón đợi của người đọc”, một phát hiện có tính chất hạt nhân của mỹ học tiếp nhận, nhưng quan niệm của Chế Lan Viên rất gần với quan điểm của lý luận tiếp nhận hiện đại phương Tây.

Và cũng xuất phát từ quan niệm mới về người đọc, mà quan niệm về mối quan hệ tri âm giữa nhà thơ với người đọc của Chế Lan Viên là quan niệm mở, chứ

không khép như quan niệm truyền thống. Với Chế Lan Viên, muốn có tri âm nhà thơ phải chủ động hướng đến các loại người đọc:

Làm thơ có lúc như lấy người điếc lác ù tai làm bạn tri âm,

Cứ phải hét vào tai những tiếng nói thầm.

Làm thơ có lúc là thi sĩ câm

Ra hiệu bằng tay, bằng mắt, bằng toàn thân,

Đóng kịch để nói điều rất thật

(Tri âm)

Và cái gốc của tri âm theo ông chính là ở tấm lòng, là sự cảm thông, độ lượng, đồng cảm: “Người đọc người, thương nhau/Ta cần chi giữ kẽ/Ai tri âm tri kỷ/Xin mở lòng trời bể/Gặp mỗi dòng mỗi ý/Tìm lòng ta phía sau” (Đề từ).

Chế Lan Viên đã viết hàng loạt bài thơ về đọc Kiều, đối thoại với Nguyễn Du, Nguyễn Trãi như: *Đọc Kiều; Nghĩ thêm về Nguyễn; Lệ hồi âm, Kỷ niệm Nguyễn Du; Đọc Kiều một ngày kia; Thơ Nguyễn Trãi...* Dù là cách biểu đạt khác nhau nhưng tất cả những bài thơ ấy đều thể hiện quan niệm vừa truyền thống vừa hiện đại về mối quan hệ giữa nhà thơ và người đọc-một vấn đề của lý thuyết tiếp nhận. Tuy nhiên, người đọc trong quan niệm của Chế Lan Viên xét trong quan hệ với nhà thơ không chỉ là tri âm mà còn là người đồng hành trong sáng tạo thơ ca.

2. Nhà thơ - Người đọc: Sự đồng hành trong sáng tạo thơ ca

Lý thuyết tiếp nhận hiện đại đã chỉ ra rằng: người đọc không chỉ là người tiếp nhận tác phẩm một cách thụ động mà là người lấp đầy khoảng trống trong tác phẩm, là người đồng sáng tạo với nhà thơ bởi “Mỗi tác phẩm văn học là một tiếng gọi” (J.P. Sartre)(7). Đây chính là tính chất mở của văn bản nghệ thuật, là “điều kiện của mọi sự thưởng thức thẩm mỹ, và tất cả mọi hình thức thưởng thức, nếu mang giá trị thẩm mỹ đều mở” (Umberto Eco)(8). Không biết Chế Lan Viên đã tiếp cận lý thuyết tiếp nhận hiện đại ở thời điểm nào hay là sự gặp gỡ của những tư tưởng lớn? Chỉ biết rằng những câu thơ ông viết về người đọc như là sự chuyển hoá ngôn ngữ lý luận sang ngôn ngữ hình tượng và biểu cảm của thơ: “Rồi tác phẩm rời anh như con thuyền rời bến/Sống cuộc đời riêng anh không dự

kiến/Nó trôi đến các thời gian xa, những năm tháng mơ hồ/Với ngọn gió anh thổi vào buồm trang giấy lúc xa bờ./(...)/Nhưng từ đây bổ sung anh, đối lập anh, tác phẩm sống riêng mình/May ra người ta tìm ở đáy thuyền, hạt gạo, đó là anh” (Con thuyền).

Như vậy, trong quan niệm của Chế Lan Viên, người đọc hiển nhiên trở thành người đồng sáng tạo với nhà thơ. Và sự sáng tạo của người đọc nhiều khi tạo ra cho tác phẩm những ý nghĩa mới mà chính tác giả, người sáng tạo ra tác phẩm cũng không ngờ đến. Điều này cũng rất gần với quan niệm của nhóm Xuân Thu Nhã Tập: “Làm xong một bài thơ, người thi sĩ chưa thể gọi đã hoàn tất sáng tác của mình mà phải chờ đợi một tác giả thứ hai, tức là độc giả” (9). Việc đồng sáng tạo của người đọc cũng là một quy luật tất yếu trong tiếp nhận thơ ca. Bởi vì “không nên quan niệm tác phẩm như một cái gì đó cố định, bất biến, trái lại về hình thức cũng như về nội dung, nó mang ý nghĩa của một cuộc đối thoại” (Huỳnh Như Phương) (10). Và cuộc đối thoại trong tác phẩm thơ chính là cuộc đối thoại giữa tác giả và người đọc mà trong đó người đọc là người đồng sáng tạo, là người viết tiếp những trang thơ, là đối tượng mà nhà thơ luôn hướng đến. Điều này đối với Chế Lan Viên không chỉ là quan niệm mà còn là một tâm niệm, một ý thức trách nhiệm của người cầm bút: “Tôi viết cho ai? Cho cả mọi người” (Nghĩ về thơ).

Chế Lan Viên trong quan niệm của mình đã tự nguyện lấy người đọc làm động lực sáng tạo. Vì thế đối với ông, nhà thơ cần phải quan tâm đến người đọc, phải xem những nhu cầu của người đọc là mục đích sáng tạo của thơ ca: “Tả một môi son, có khi anh chỉ nói sắc sen hồ/Phải giấu tình cảm của anh đi như ém quân trong rừng vắng/Chỉ vì anh nghĩ đến người đọc giả mai sau có cái thú đi tìm vàng trên trang giấy/Đang bơi thuyền giữa sen hồ bỗng bắt gặp môi son” (Tín hiệu).

Văn Cao khi bàn đến vai trò của người đọc đã viết: “họ không muốn nghe lại những lời đã cũ như không muốn mua lại những đồ cũ mà họ thải đi từ lâu rồi” (11). Như vậy, cả Văn Cao và Chế Lan Viên cũng đều nhận ra rằng: những đòi hỏi của người đọc chính là động lực để nhà thơ phát huy cá tính sáng tạo của

mình. Và bởi người đọc là người đồng hành trong sáng tạo, là động lực sáng tạo của nhà thơ nên chính người đọc cũng là người quyết định số phận của thơ ca.

3. Người đọc, “vị quan toà” quyết định số phận của thơ ca

Khi bàn đến vai trò của người đọc trong việc thẩm định giá trị của thơ, Chế Lan Viên đã chỉ ra rằng: “Và những giọt lệ rung rung trên mi người đọc/Ngọc của người còn trong gập máy/Ngọc thơ anh”(Lệ ngọc). Và khi người đọc trở thành nhân tố quyết định sự sáng tạo của nhà thơ, thì theo ông, họ có quyền tiếp nhận hoặc không tiếp nhận thơ nếu thơ ấy không phải là thứ tinh hoa được kết tinh từ tài năng và lao động nghệ thuật của nhà thơ, nghĩa là họ có quyền quyết định sự tồn tại của nhà thơ và xác quyết giá trị của thơ:

Ôi! chỉ cần một độc giả dù vô tâm đến mấy

Là cũng đủ cho nhà thơ thoát khỏi vạc dầu

Và bay lên chín tầng cao.

(Sợ nhất)

Chính vì nhận thức sâu sắc điều này nên Chế Lan Viên luôn trăn trở khi nghĩ về mối quan hệ giữa nhà thơ và người đọc: “Nghìn lẻ một câu thơ viết ra, người ta quên cả một nghìn/May lẻ một có người còn nhớ đời nhớ mãi/Nếu lẻ hai, lẻ ba, lẻ tư nữa thì hay quá/Ấy thế mà đã được nghìn câu đâu, mong lẻ nổi gì?” (Nghìn lẻ). Không những thế, trong quan niệm về mối quan hệ Nhà thơ-Người đọc, Chế Lan Viên còn đề cập đến một loại người đọc đặc biệt đó là nhà phê bình. Ông cho rằng quan hệ giữa nhà thơ với nhà phê bình như quan hệ vợ chồng: “Nàng yêu chồng, hẳn thế rồi, nhưng đôi khi thường e ngại ông ta và nàng thích đi dạo một mình... Nhưng làm sao nàng ta có thể sống không có anh ta được chứ, anh ta với tất cả khuyết điểm đáng yêu đáng ghét của mình” (Thơ và phê bình) (12), như là quan hệ bè bạn: “Thơ và phê bình, phê bình và thơ, chỉ có hai bạn trên đường ấy thôi mà. Trái tim và khối óc, cái cá nhân và cái xã hội, ý thức và vô thức, thơ và phê bình, đây chỉ là hồng cầu và bạch cầu của một sức khoẻ chung”(13). Chế Lan Viên cũng đã phân định rõ các loại nhà phê bình: “Nhà phê bình đại diện cho lý trí, không phải thứ lý trí hách dịch, ba hoa, thứ lý giết chết

cả thơ lẫn lý “càng luận vào càng đuối lý ra” mà đó là “một thứ lý biết điều, có lý có tình, nhân hậu, nó là người tâm sự của chính tác giả”(14). Ông cho rằng nhà phê bình thơ vừa phải có “tâm” nhưng cũng cần phải có “tầm”, phải có năng lực cảm thụ thơ để “phê bình có thể thấy xa, chỉ vì nó đã được hứng cảm bởi hồn thơ không có thơ trong hồn, anh chỉ có thể thốt lên những lời cầu nhàu, chửi rửa, chứ đâu có phải phê bình”(15). Chính vì thế, điều ông sợ nhất là kiểu phê bình xoi mói, thiếu thiện chí, sẵn sàng ném nhà thơ vào vạc dầu của quỷ: “Sợ nhất khi xuống địa phủ, bên vạc dầu của quỷ/Lại thi nhân cùng thi nhân chạm trán, va đầu./Nếu bên vạc dầu có nhà phê bình cầm roi càng nguy hơn nữa/Dầu nhà thơ có chạy trốn đi thì phê bình gia cũng tóm cổ ném vào!” (Sợ nhất). Quan niệm về nhà phê bình như một đối tượng tiếp nhận của Chế Lan Viên cũng là một điểm nhìn rất gần với lý thuyết tiếp nhận hiện đại. Và đây chính là những nét độc đáo trong quan niệm của Chế Lan Viên về quan hệ giữa thơ với người đọc.

Mặt khác, ở bình diện quan niệm của Chế Lan Viên về quan hệ Nhà thơ và Người đọc cũng có sự vận động. Nếu trước kia trong *Điều tàn*, người đọc trong quan niệm của Chế Lan Viên cũng phải khác thường, nghĩa là: “Đọc tập *Điều tàn* này xong (...) mà cái Buồn, cái Chán, cái Hối hùng cùng ủa nhau đến bực lấy hồn anh làm cho anh phải cười, phải gào, phải khóc, thì xin anh chớ hẹp hòi gì mà cười cho mệnh mang, gào cho vỡ cổ, khóc cho hả hê rồi gửi cái cười, cái gào, cái khóc ấy cho không trung” (16) thì về sau này, đặc biệt là từ khi đi theo cách mạng và kháng chiến, quan niệm về Nhà thơ-Người đọc của Chế Lan Viên đã có sự thay đổi. Nhà thơ bây giờ không còn là Tinh, là Ma...mà là con người trần thế gắn số phận mình với số phận nhân dân, và người đọc trong thơ ông lúc này là những người bình thường gần gũi, nhà thơ sáng tác là để hướng về họ, dành cho họ:

Những phong thư anh gửi cho hư vô đều bị trả về

Dù tem vẽ các vĩ nhân, thần thánh.

Chi bằng anh đưa cho cô hàng xóm ở hàng rào bên cạnh

Viết cho người đọc giả bình thường gần gũi đọc thơ anh.

(Thơ cao cả)

Tóm lại: Cũng như Xuân Diệu, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu, Văn Cao... Chế Lan Viên đã thấy được vai trò của người đọc trong việc tiếp nhận thơ ca. Nhưng nếu các nhà thơ khác chú trọng đến sự tác động của nhà thơ đối với người đọc: “Người làm thơ biết thành lập cho mình một cá tính trong suy nghĩ, trong tình cảm, trong cảm giác những điều mới lạ bao nhiêu là làm phong phú thêm cho người đọc về mặt tư tưởng cảm xúc hay cảm giác. Người đọc bị cuốn sau cùng vào cái khuynh hướng của nhà thơ” (Văn Cao)(17) thì Chế Lan Viên lại chú trọng đến sự tác động của người đọc đối với quá trình sáng tạo của nhà thơ. Người đọc trong quan niệm của ông là người quyết định sự tồn tại của thơ ca và ảnh hưởng đến tư duy sáng tạo của người nghệ sĩ. Và điều sợ nhất với ông là “không có độc giả”, không có người đồng cảm với nhà thơ nghĩa là không có người nối dài cuộc sống cho những câu thơ: “Chả có gì sủi tăm ở cái hồ lãng quên anh ném câu thơ vào đó/May ra thế kỷ sau, từ viên sỏi thơ anh sủi lên giọt máu như máu con bông bông/”Bồng bồng bang bang!”... Sẽ có người đến bên hồ mà gọi thơ anh/Câu thơ trôi lên, đáp lại tiếng gọi mình” (Sủi tăm). Và chính điều này tạo nên sự độc đáo trong quan niệm về thơ của Chế Lan Viên, chi phối mạnh mẽ đến quan niệm thơ của ông không những ở bình diện thơ với người đọc mà còn ở nhiều bình diện khác của thơ.

T.H.A

(197/07-05)

1) Edward Hirsh “Thơ và độc giả”, *Báo thơ số* (7,8 tháng 1+2/2004) tr. 30

(2,12,13,14,15) Chế Lan Viên, *Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân*, Nxb Tác phẩm Mới, Hà Nội, 1981 tr. 96,113,115,116.

(3) Chế Lan Viên, *Nghĩ cạnh dòng thơ*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1981 tr. 81.

(4) Tố Hữu, *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr. 441.

(5) Nguyễn Đình Thi “Mấy ý nghĩ về thơ”, *Báo thơ số* (2, Quý II/2003) tr. 24.

(6) Lưu Hiệp, *Văn Tâm Diệu Long*, Nxb Văn học Hà Nội, 1999 tr. 270.

(7) J.P.Sartre, *Văn học là gì?* Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999, tr. 63.

(8) Trương Đăng Dung, *Tác phẩm văn học như là quá trình*, Nxb khoa học xã

hội, Hà Nội, 2004, tr. 12.

(9) Nguyễn Tấn Long, Việt thi nhân tiền chiến (quyển thượng), Sống Mới xuất bản, Sài Gòn, 1972, tr. 449.

(10) Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương, Lý luận văn học, vấn đề và suy nghĩ, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 139,140.

(11,17) Tuyển tập Văn Cao thơ, Nxb Văn học, Hà Nội, 1994, tr. 152, 154.

(16) Võ Gia Trị, Văn chương và nghệ sĩ, Nxb Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 9.